

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HS–ST
Ngày: 28/02/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG NAI

– Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán–Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Ba.

Bà Trần Thị Hồng Phượng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên–Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Tiến Dũng–Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 23/2019/TLST–HS ngày 30 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST–HS ngày 13/02/2019 đối với các bị cáo:

1/ Trần Quang T, sinh năm 1990 tại Đồng Nai; Hộ khẩu thường trú: Ấp 3, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: Ấp 1, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Công an xã T; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn L, sinh năm 1964 và bà Trần Nguyễn Thanh T, sinh năm 1964; Có vợ: Trần Ngọc K, sinh năm 1994, con: Có 01 con sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại.

2/ Lê Văn H, sinh năm 1986 tại Cà Mau; Hộ khẩu thường trú: Ấp Ô, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau; Nơi cư trú: Không có nơi cư trú cố định; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T, sinh năm 1954 và bà Ngô Thị L, sinh năm 1951; Có vợ: Nguyễn Thị Kiều P, sinh năm 1992 (đã ly hôn năm 2016); Con: Có 01 con sinh năm 2012.

Tiền án: Ngày 31/10/2017, bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Cà Mau xử pH 01 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Bản án số 32/2017/HSST). Do bị cáo H kháng cáo, ngày 05/01/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau phúc thẩm y án (Bản án số 04/2018/HS–PT). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/9/2018.

Tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam ngày 11/12/2018.

– Bị hại: Anh Phạm Thế G, sinh năm 1996.
Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa; bị hại vắng mặt – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Quan T và Phạm Thế G có mối quan hệ quen biết nhau. Do thiếu tiền nợ nên T nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô hiệu Honda Winner, màu trắng – xanh (chưa cấp biển số) của G đem cầm cố lấy tiền trả nợ. Lúc 07 giờ, ngày 11/12/2018, T điện thoại hẹn Lê Văn H (là người quen qua mạng xã hội Facebook) đến huyện L uống cà phê nhằm mục đích rủ H trộm cắp xe mô tô của G. Đến 08 giờ cùng ngày, T hẹn G đến khu vườn dầu, thị trấn L, huyện L uống cà phê. Tại đây, T mượn xe mô tô Honda Winner của G nói dối đi công việc nhưng T đi đến tiệm cắt chìa khóa làm thêm một chìa khóa khác. Tiếp đó, T điều khiển xe trên đến quán cà phê ở khu C, thị trấn L gặp H. T nói với H là xe mô tô này do T mượn của người bạn và bàn bạc với H trộm cắp xe mô tô này cầm cố lấy tiền tiêu xài. T đưa cho H chìa khóa xe mô tô vừa mới cắt thêm và kêu H đến quán nhậu chờ, lúc nào bạn của T đi xe đến quán thì lấy trộm xe mô tô trên mang đi cầm cố lấy tiền chia nhau. Sau khi bàn bạc, T chờ H tới quán nhậu “T” thuộc khu P, thị trấn L, huyện L và đưa cho H 450.000 đồng để H vào quán ăn uống ngồi đợi trước. Xong, T quay lại vườn dầu rủ G cùng một số người bạn đến quán “T” uống rượu bia. Khi đến quán, G để xe mô tô hiệu Winner ở ngoài sân và cùng T đi vào bàn để ăn uống. Đến 12 giờ cùng ngày, H nhắn tin cho T hỏi “bên đó nhìn ra khuất không, nói tui biết cái”, T trả lời “khuất”. H tính tiền, đeo khẩu trang và đi đến dùng chìa khóa do T đưa mở khóa xe Winner của G rồi điều khiển xe đến phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương thì bị công an phường T nghi ngờ giữ lại và báo cho Công an huyện L ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp và xử lý theo thẩm quyền. Đến ngày 17/12/2018, T đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đầu thú và khai nhận hành vi của mình như đã nêu trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản tố tụng hình sự số 03/KLĐG ngày 17/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện L kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Winner màu trắng – xanh, số máy 1219596, số khung 373329 trị giá 38.000.000 đồng (Bút lục 25).

Vật chứng vụ án: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Winer, số máy 1219596, số khung 373329 đã thu hồi trả lại cho bị hại anh Phạm Thế G.

Tạm giữ: 01 điện thoại di động hiệu ITEL, 01 điện thoại Samsung và 01 chìa khóa xe mô tô của T và H sử dụng vào việc phạm tội. Số vật chứng trên được chuyển đến Cơ quan thi hành án dân sự huyện L chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại tài sản anh G không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Trước Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L, các bị cáo Trần Quan T và Lê Văn H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai bị

hại và các tài liệu vật chứng thu thập được tại hồ sơ vụ án (bút lục số 50 – 52, 65–68, 74–75, 76–79).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trần Quan T, Lê Văn H không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận định giá tài sản số 03/KLĐG ngày 17/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện L.

Bản Cáo trạng số 30/CT-VKS ngày 29 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành truy tố bị cáo Trần Quan T, Lê Văn H về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Quan T, Lê Văn H phạm tội Trộm cắp tài sản. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử pH bị cáo Trần Quan T: Từ 14 đến 16 tháng tù; Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn H: Từ 14 đến 16 tháng tù. Về trách nhiệm Dân sự: Bị hại anh Phạm Thế G đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không xem xét. Về vật chứng vụ án: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner màu trắng – xanh, số máy 1219596, số khung 373329 đã thu hồi trả lại cho bị hại anh Phạm Thế G. Cần tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu IteL, 01 điện thoại SamSung và 01 chìa khóa xe mô tô của T và H sử dụng vào việc phạm tội, hiện Chi cục thi hành án Dân sự huyện L đang tạm giữ.

Tại phiên tòa, các bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình pH cho bị cáo để bị cáo có điều kiện trở thành người tốt cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Long Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Quan T, Lê Văn H không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Lời khai của các bị cáo phù hợp lời khai của bị hại, Kết luận của cơ quan điều tra, Cáo trạng của Viện kiểm sát, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tài sản bị cáo T, H chiếm đoạt của bị hại anh G có trị giá 38.000.000 đồng. Tại phiên tòa và tại các bút lục 61–63, 76–77 cả hai bị cáo đều xác định: Mục đích bị cáo T rủ bị cáo H xuống huyện L, tỉnh Đồng Nai chỉ để uống cà phê, ngoài ra không có mục đích gì khác, việc bị cáo T làm thêm chìa khóa xe mô tô hiệu Honda Winner là do bị cáo T tự làm, không có bàn bạc với bị cáo

H, chỉ khi bị cáo T gặp bị cáo H tại quán cà phê ở khu Cầu Xéo, thị trấn L, bị cáo T rủ bị cáo H trộm cắp xe mô tô hiệu Honda Winner, T nói với H là xe mô tô này do T mượn của người bạn và bàn bạc với H trộm cắp xe mô tô này cầm cố lấy tiền tiêu xài, T đưa cho H chìa khóa xe mô tô vừa mới cất thêm và kêu H đến quán nhậu chờ, lúc nào bạn của T đi xe đến quán thì lấy trộm xe mô tô trên mang đi cầm cố lấy tiền chia nhau, H không có ý kiến, bàn bạc gì với T nên có đủ cơ sở xác định việc phạm tội của các bị cáo không được phân công, cấu kết chặt chẽ, chu đáo. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo Trần Quan T, Lê Văn H về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là ít nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại một cách trái pháp luật, ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an xã hội, các bị cáo vẫn nhận thức hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại là vi phạm pháp luật nhưng vẫn hành động phạm tội, cần xử pH bị cáo thật nghiêm tương xứng với hành vi, mức độ và hậu quả mà bị cáo đã gây ra.

Trong vụ án này, bị cáo T là người đề xuất, rủ rê bị cáo H trộm cắp tài sản của bị hại nên Hội đồng xét xử cần xử pH bị cáo T cao hơn bị cáo H phù hợp với vai trò, tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo T.

Đối với bị cáo H, sau khi được bị cáo T đề xuất, rủ rê trộm cắp tài sản của bị hại, bị cáo H đồng ý mặc dù bị cáo H không tham gia bàn bạc với bị cáo T, ngoài ra lần phạm tội này của bị cáo H thuộc trường hợp tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử xử pH bị cáo với mức án tương xứng vai trò, hành vi, mức độ phạm tội của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm Hình sự:

– Đối với bị cáo Trần Quan T: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm Hình sự.

– Đối với bị cáo Lê Văn H: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm Hình sự là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự:

– Đối với bị cáo Trần Quan T: Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

– Đối với bị cáo Lê Văn H: Bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, xét cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo.

[3] Về trách nhiệm Dân sự: Quá trình điều tra, bị hại anh Phạm Thế G đã nhận lại tài sản và quá trình chuẩn bị xét xử, bị hại anh Phạm Thế G không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không xét.

[4] Về vật chứng vụ án: Cần tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu ITEL, 01 điện thoại di động hiệu Samsung và 01 chìa khóa xe mô tô của T và H sử dụng vào việc phạm tội phù hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự, hiện Chi cục thi hành án Dân sự huyện L đang tạm giữ (Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 29/02/2019 – bút lục 122).

[5] Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Quan T, Lê Văn H phạm tội Trộm cắp tài sản.

– Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Quan T: 14 (mười bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày vào trại thi hành án;

– Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn H: 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày 11/12/2018.

– **Về vật chứng vụ án:** Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu ITEL, 01 điện thoại di động hiệu Samsung và 01 chìa khóa xe mô tô của bị cáo Trần Quan T và Lê Văn H. Hiện Chi cục thi hành án Dân sự huyện L đang tạm giữ (Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 29/02/2019 – bút lục 122).

– **Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Theo luật định, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại anh Phạm Thế G có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện L;
- Công an huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán–Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Thùy Trang

